

Bản án số: **124/2020/HNGĐ-ST**
Ngày: 06-7-2020
V/v “Tranh chấp về ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Kim Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Hương;
2. Ông Võ Văn Thái.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Liêm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Hồ Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2020 về “*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2020/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1984. *Vắng mặt.*

Địa chỉ: Số 133 Nguyễn Đ, phường T, quận S, thành phố Đ.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1986. *Vắng mặt.*

Địa chỉ: Thôn 4 (P), xã Q, huyện S, tỉnh Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/02/2020, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn - anh Nguyễn Hoàng T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Hồng N tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện S, tỉnh Q cấp Giấy chứng nhận kết hôn số

57 ngày 24 tháng 10 năm 2008. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc và có với nhau 01 con chung. Từ năm 2019, giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã dẫn đến vợ chồng không còn tình cảm. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh xin được ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh T và chị N có 01 con chung tên là Nguyễn Hoàng M, sinh ngày 12/5/2014. Hiện nay, cháu M đang do anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh T xin được trực tiếp nuôi cháu M, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn - chị Nguyễn Thị Hồng N, trong quá trình giải quyết vụ án chị N không hợp tác, cố tình không đến Tòa án làm việc, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Vì vậy, chị N không có ý kiến về nội dung vụ án và vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn vắng mặt tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa không có lý do là không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và nuôi con của anh Nguyễn Hoàng T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn - anh Nguyễn Hoàng T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn - chị Nguyễn Thị Hồng N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa.

[2]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Nguyễn Hoàng T có quan hệ hôn nhân hợp pháp với chị Nguyễn Thị Hồng N, địa chỉ: Thôn 4 (P), xã Q, huyện S, tỉnh Q. Nay, anh T khởi kiện xin ly hôn với chị N và yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con nên quan hệ pháp luật được xác định

là “*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị N tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện S, tỉnh Q cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 57 ngày 24 tháng 10 năm 2008 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, anh T cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng từ năm 2019 đến nay giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau nên dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N không có ý kiến về nội dung vụ án, không tham gia các phiên hòa giải theo các Thông báo của Tòa án. Tại phiên tòa, chị N tiếp tục vắng mặt không có lý do, trong khi anh T có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn cương quyết xin ly hôn. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng anh T, chị N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Về con chung: Trong thời gian chung sống, anh T và chị N có 01 con chung tên là Nguyễn Hoàng M, sinh ngày 12/5/2014. Khi ly hôn, anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu M, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N không có ý kiến về việc ly hôn, xin nuôi con của anh T và không hợp tác, thể hiện sự không quan tâm đến con cái; hiện tại cháu M đang ở với anh T. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu M cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con, anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Chị N có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, mà không ai được cản trở phù hợp với quy định tại Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

[5]. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm anh Nguyễn Hoàng T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hoàng T về việc "*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con*".

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Hoàng T và chị Nguyễn Thị Hồng N.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng M, sinh ngày 12/5/2014 cho anh Nguyễn Hoàng T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Nguyễn Thị Hồng N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Các bên đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng anh Nguyễn Hoàng T phải chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà anh T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007219 ngày 17/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
 - TAND tỉnh Quảng Nam
 - VKSND huyện Quế Sơn;
 - Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
 - UBND xã Quế Châu, huyện Quế Sơn
- (Giấy chứng nhận kết hôn số: 57 ngày 24 tháng 10 năm 2008);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*Đã ký*)

Châu Thị Kim Phụng

